

Số: /QĐ-UBND

Thường Thắng, ngày 19 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỜNG THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 02/01/2024 của Hội đồng nhân dân xã Thường Thắng khóa XX, kỳ họp thứ 9 về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội năm 2024;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng- Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 cho các thôn cụ thể như sau.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 được giao, các ngành, Ban quản lý các thôn có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định này, đồng thời định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả về Văn phòng UBND xã theo quy định, để tổng hợp báo cáo UBND xã và cấp trên theo quy định.

Điều 3. Văn phòng UBND, Trưởng các ngành thuộc UBND xã và Trưởng thôn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trường trực UBND huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Chi cục Thống kê;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Dịu

CHỈ TIÊU VỀ GIẢM NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

STT	Tên thôn	Tổng số hộ	Số hộ nghèo năm 2023	Số hộ thoát nghèo năm 2024	Số hộ nghèo năm 2024	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 (%)	Ghi chú
1	Dinh Đồng	190	4	2	2	1.05	
2	Đoàn Kết	219	2	0	2	0.91	
3	Đồng Tâm	267	5	2	3	1.12	
4	Hiệp Đồng	230	2	0	2	0.87	
5	Hồng Tiến	370	3	1	2	0.54	
6	Khúc Bánh	162	1	0	1	0.62	
7	Tam Sơn	218	4	1	3	1.38	
8	Thống Nhất	320	4	1	3	0.94	
9	Trong Làng	372	6	1	5	1.34	
	Tổng	2.348	31	8	23	0.98	

**CHỈ TIÊU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ,
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ XKLD NĂM 2024**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19 /01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

Số TT	Tên thôn	Số LĐ được giải quyết việc làm mới (người)	Trong đó XKLD (người)	Ghi chú
1	Dinh Đồng	20	0	
2	Đoàn Kết	19	1	
3	Đồng Tâm	28	1	
4	Hiệp Đồng	19	0	
5	Hồng Tiến	28	1	
6	Khúc Bánh	13	0	
7	Tam Sơn	17	1	
8	Thống Nhất	28	1	
9	Trong Làng	28	0	
	Cộng:	200	5	

CHỈ TIÊU VỀ CHĂN NUÔI NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

Số TT	Tên thôn	Trâu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)	Thịt hơi các loại (tấn)
1	Đoàn Kết	7	148	1.266	11.300	248
2	Hồng Tiến	8	166	850	11.500	196
3	Trong Làng	5	158	1.320	10.900	245
4	Khúc Bánh	4	124	430	8.700	163
5	Tam Sơn	5	156	760	9.200	177
6	Hiệp Đồng	6	148	620	16.600	178
7	Đông Tâm	7	155	1.540	41.600	385
8	Thông Nhất	8	154	750	16.500	207
9	Dinh Đồng	5	141	790	13.700	187
	Tổng cộng	55	1.791	8.326	140.000	1.986

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VĂN HOÁ THỂ THAO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

STT	Tên thôn	Làng Văn hoá		Gia đình VH		
		Cấp huyện	Tỉnh	Tổng số hộ	Số hộ đạt	Đạt %
1	Đoàn Kết	X		219	209	95.4
2	Hồng Tiến	X		370	337	91.0
3	Trong Làng	X		372	345	92.7
4	Khúc Bánh	X		162	146	90.1
5	Tam Sơn	X		218	199	91.3
6	Hiệp Đồng	X		230	214	93.0
7	Đồng Tâm	X		267	255	95.5
8	Thống Nhất	X		320	305	95.3
9	Dinh Đồng	X		190	175	92.1
	Tổng cộng	09	0	2.348	2.185	93.1

CHỈ TIÊU VỀ DÂN SỐ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

TT	Tên thôn	Chỉ tiêu giao năm 2023			
		Dân số trung bình (người)	Mức giảm tỷ suất sinh(%0)	Tốc độ tăng dân số tự nhiên (%)	Tỷ lệ sinh lần 3 trở lên
1	Đoàn Kết	976	0,04	1,17	10,5
2	Hồng Tiến	1.555	0,07	1,11	11,6
3	Trong Làng	1.838	0,07	1,12	12,0
4	Khúc Bánh	730	0,05	1,16	11,0
5	Tam Sơn	1.066	0,04	1,14	11,5
6	Hiệp Đồng	1.115	0,06	1,12	11,2
7	Đông Tâm	1.301	0,06	1,15	11,5
8	Thống Nhất	1.401	0,05	1,14	12,0
9	Dinh Đồng	765	0,04	1,13	10,7
	Toàn xã	10.747	0,04	1,11	10,5

CHỈ TIÊU VỀ GIEO TRỒNG LÚA NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

Số TT	Tên thôn	Cả năm			Ghi chú
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	
1	Đoàn Kết	29	58,3	169,0	
2	Hồng Tiến	86,8	59,7	518,2	
3	Trong Làng	95,3	62,5	595,6	
4	Khúc Bánh	36,3	61,1	221,8	
5	Tam Sơn	45,6	58,3	265,8	
6	Hiệp Đồng	54,2	60,0	325,2	
7	Đồng Tâm	50,8	62,1	315,5	
8	Thống Nhất	79,7	62,5	498,1	
9	Dinh Đồng	62	61,2	379,4	
Tổng cộng		539,7	60,1	3.288,6	

CHỈ TIÊU VỀ GIEO TRỒNG CÁC CÂY KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND

Ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

Số TT	Tên thôn	Ngô Đông			Khoai tây			Lạc		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Đoàn Kết	4	40	16	1	90	9	7	23	16,1
2	Hồng Tiến	5	40	20	4	92	36,8	18	22	39,6
3	Trong Làng	10	40	40	7	95	66,5	34	24	814,6
4	Khúc Bánh	3	40	12	2	94	18,8	7	22	15,4
5	Tam Sơn	2	40	8	2	92	18,4	6	21,5	12,9
6	Hiệp Đồng	2	40	8	10	94	94	10	22	22
7	Đồng Tâm	7	40	28	5	95	47,5	28	24	67,2
8	Thống Nhất	9	40	36	18	100	180	10	23	23
9	Dinh Đồng	3	40	12	8	100	80	6	22	13,2
Tổng cộng		45,0	45,0	40,0	180,0	57,0	97,0	551	126	23,1

CHỈ TIÊU VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

STT	Tên thôn	Môi trường			
		Tỷ lệ các hộ nộp phí vệ sinh môi trường	Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải tại các thôn (%)	Các hộ gia đình chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (%)	Đường làng, ngõ xóm, rãnh thoát nước sạch sẽ, không ô nhiễm (%)
1	Đoàn Kết	100	98	98	100
2	Hồng Tiến	100	98	98	100
3	Trong Làng	100	98	98	100
4	Khúc Bánh	100	98	98	100
5	Tam Sơn	100	98	98	100
6	Hiệp Đồng	100	98	98	100
7	Đồng Tâm	100	98	98	100
8	Thống Nhất	100	98	98	100
9	Dinh Đồng	100	98	98	100

CHỈ TIÊU VỀ BHYT, BHXH TỰ NGUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19/01/2024 của UBND xã Thường Thắng)

STT	Tên thôn	Dân số	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)	Số người đang tham gia BHXH tự nguyện đến hết 31/12/2023	Số người phải vận động tham gia BHXH tự nguyện năm 2024
1	Đoàn Kết	976	100	25	82
2	Hồng Tiến	1.555	100	30	116
3	Trong Làng	1.838	100	30	144
4	Khúc Bánh	730	100	26	61
5	Tam Sơn	1.066	100	16	99
6	Hiệp Đồng	1.115	100	28	94
7	Đồng Tâm	1.301	100	17	90
8	Thống Nhất	1.401	100	28	114
9	Dinh Đồng	765	100	10	68
	Tổng	10.747	100	263	868

CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày 19//01/2024 của UBND xã Thường Thắng)*

STT	Thôn	Chỉ tiêu thực hiện	Ghi chú
1	Tam Sơn	Hoàn thành 12/12 tiêu chí thôn NTM	
2	Thống Nhất	Hoàn thành 7/7 tiêu chí NTM kiểu mẫu	
3	Đồng Tâm	Hoàn thành 7/7 tiêu chí NTM kiểu mẫu	
4	Đoàn Kết	Hoàn thành 7/7 tiêu chí NTM kiểu mẫu	
5	Trong Làng	Hoàn thành Tiêu chí 1 - Giao thông và Tiêu chí 3- Phát triển sản xuất của thôn NTM kiểu mẫu	
6	Hồng Tiến	Hoàn thành Tiêu chí 1 -Giao thông; Tiêu chí 3 – Phát triển sản xuất; Tiêu chí 7 - Hệ thống chính trị, ANTTXH của thôn NTM kiểu mẫu	
7	Dinh Đồng	Hoàn thành Tiêu chí 1-Giao thông; Tiêu chí 3- Phát triển sản xuất; Tiêu chí 7- Hệ thống chính trị, ANTTXH của thôn NTM kiểu mẫu	
8	Khúc Bánh	Hoàn thành Tiêu chí 5- Nhà văn hóa, Khu thể thao; Tiêu chí 6-Văn hóa, Y tế của thôn NTM kiểu mẫu	
9	Hiệp Đồng	Tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí đã đạt	